



## THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ NHU CẦU THAM GIA TẬP LUYỆN NGOẠI KHOÁ MÔN CẦU LÔNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Nguyễn Quốc Trầm<sup>1</sup>, Trương Văn Lợi<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Phú Yên

<sup>2</sup>Trường Đại học Đồng Tháp

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 12/01/2018

Ngày nhận kết quả bình duyệt:  
07/06/2018

Ngày chấp nhận đăng:  
08/2018

### Title:

The reality of teaching physical education and the need for participation in extracurricular practice of badminton of Phu Yen University students

### Keywords:

Reality, physical education, extracurricular, badminton, Phu Yen University

### Từ khóa:

Thực trạng, giáo dục thể chất, ngoại khoá; môn Cầu lông, Trường Đại học Phú Yên

### ABSTRACT

Through the use of observation methods, interviews with panelists, pedagogical examination methods and statistical, mathematical methods; Assessing the current state of physical education and the need for participation in the extracurricular practice of badminton of Phu Yen University students. Contribute to improving the effectiveness of physical education for Phu Yen University students.

### TÓM TẮT

Thông qua sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn tọa đàm, phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê, tác giả tiến hành đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Phú Yên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên của Trường Đại học Phú Yên.

## 1. LỜI MỞ ĐẦU

Giáo dục thể chất (GDTC) là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên. Nhà nước có chính sách dành đất đai đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho GDTC và thể thao trong nhà trường, đảm bảo đủ giáo viên, giảng viên thể dục thể thao (TDTT) cho các bậc học (Nguyễn Xuân Sinh, 1999). Nhưng thực tế từ

trước tới nay, môn GDTC vốn không ít trường coi là môn học phụ. Chính vì vậy, sự quan tâm và đầu tư của không ít trường đối với môn học này chưa thật đầy đủ, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu thốn, không chú trọng đầu tư, thậm chí rất nhiều trường đại học, cao đẳng diện tích chật hẹp không có sân tập nên phải đi học nhờ.

Để đáp ứng được các mục tiêu hiện nay, công tác GDTC trong các trường đại học còn không ít khó khăn, hạn chế. Thể lực của nhiều sinh viên còn kém, trong khi ý thức rèn luyện TDTT chưa cao,

điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức tập luyện thiếu thốn, nội dung môn học chưa hấp dẫn nên sinh viên không hứng thú, say mê môn học GDTC là điều khó tránh. Điều này phần nào lý giải thực trạng học “đôi phó” của không ít sinh viên mỗi giờ học GDTC (Luong Tấn Thu, 2017).

Qua thực tế và trao đổi với các giảng viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cho thấy, để nâng cao chất lượng giảng dạy của môn học và xây dựng phong trào rèn luyện thân thể rộng rãi hơn nữa thì Cầu lông là môn thể thao được nhiều sinh viên ưa thích, có điều kiện về cơ sở sân bãi, có giáo viên chuyên sâu so với các môn thể thao khác. Từ những luận cứ và nhu cầu thực tế trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **Thực trạng công tác GDTC và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Phú Yên**. Thông qua nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng công tác GDTC và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Phú Yên, nhằm đẩy mạnh phong trào tập luyện thể thao ngoại khóa đối với sự phát triển thể chất của sinh viên đại học tỉnh Phú Yên; từ đó định hướng, cải tiến phương pháp, tổ chức giảng dạy, góp phần nâng cao thể chất cho đối tượng này.

Để giải quyết mục đích nghiên cứu trên, chúng tôi sẽ giải quyết các mục tiêu nghiên cứu sau:

- Đánh giá thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 - 2018.
- Nhu cầu tập luyện ngoại khoá và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông tại Trường Đại học Phú Yên.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên, trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp quan sát;
- Phỏng vấn tọa đàm;
- Phương pháp kiểm tra sự phạm;
- Phương pháp toán học thống kê.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1 Thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 – 2018

#### 3.1.1 Đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên TDTT

Thực trạng giảng viên môn GDTC tại Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 – 2018 được thể hiện qua Bảng 1.

**Bảng 1. Thực trạng lực lượng – đội ngũ giảng viên môn GDTC tại Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 –2018**

TT	Năm học	Số lượng				Trình độ chuyên môn					
		GV				TS	Tỷ lệ %	ThS	Tỷ lệ %	ĐH	Tỷ lệ %
		Cơ hữu	Tỷ lệ %	Thỉnh giảng	Tỷ lệ %						
1	2015	9	75.00	3	25.00	1	8.34	5	41.66	6	50.00
2	2016	9	69.30	4	30.77	2	15.38	6	46.15	5	38.46
3	2017	10	100	0	0	0	0	6	60.00	4	40.00
4	2018	10	100	0	0	0	0	6	60.00	4	40.00

Kết quả thể hiện trong Bảng 1 cho thấy, từ năm 2015 đến năm 2018 số lượng giảng viên tăng ít nhưng trình độ giảng viên ngày càng tăng lên và được chuẩn hóa về trình độ, đến nay đã có 60% cán bộ có trình độ sau đại học, trong đó có 2 cán

bộ đang nghiên cứu sinh trong nước. Điều này góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC tại Trường Đại học Phú Yên.

3.1.2 *Thực trạng thực hiện nội dung chương trình, hình thức giảng dạy môn học GDTC* chương trình gồm 90 tiết với nội dung trình bày cụ thể trong Bảng 2.

Thực tế trong những năm qua Khoa GDTC & Giáo dục Quốc phòng (GDQP) đã thực hiện

**Bảng 2. Nội dung chương trình môn GDTC tại Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 - 2018**

NỘI DUNG	Tổng số tiết	Thời lượng	Học phần	Tổng
<b>Thể dục: Bài tập phát triển chung</b>	<b>14</b>	<b>14</b>		
<b>Điền kinh</b>	<b>14</b>			
Lý thuyết: Kỹ thuật xuất phát thấp, chạy lao, chạy giữa quãng và về đích. Kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy, trên không và tiếp đất.		2	<b>Bắt buộc</b>	<b>30 tiết</b>
Thực hành: Chạy ngắn 60 m và nhảy xa kiểu ưỡn thân.		12		
<b>Thi kết thúc học phần</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
<b>Môn thể thao tự chọn (Bóng chuyền, Cầu lông và Bóng bàn)</b>	<b>28</b>			
Lý thuyết: Nguồn gốc, lịch sử phát triển môn Bóng chuyền (Cầu lông/Bóng bàn), tác dụng của môn học đối với sức khỏe sinh viên. Giới thiệu sân bãi, dụng cụ. Nguyên lý kỹ thuật cơ bản và một số điều luật cơ bản.	2	2	<b>Tự chọn</b>	<b>60 tiết</b>
Thực hành: Các kỹ thuật cơ bản.	26			
Phối hợp kỹ thuật.		14		
Các loại hình chiến thuật.		4		
Tổ chức thi đấu.		4		
<b>Thi kết thúc học phần</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		

Qua phân tích số liệu trình bày trên Bảng 2 cho thấy, chương trình GDTC được xây dựng trên cơ sở chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), bao gồm 90 tiết, được chia thành 03 tín chỉ, tương ứng với 03 học kỳ (mỗi học kỳ 30 tiết).

3.1.3 *Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, dụng cụ học tập*

Trong những năm vừa qua, nhà trường luôn quan tâm và trang bị cơ sở vật chất, các trang thiết bị – dụng cụ học tập GDTC, TDTT cho giảng viên và sinh viên sử dụng, song thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Sau đây là bảng thống kê thực trạng trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy GDTC tại Trường Đại học Phú Yên đang được sử dụng trong mỗi năm học được thể hiện qua Bảng 3.

**Bảng 3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy GDTC Trường Đại học Phú Yên**

TT	Sân bãi dụng cụ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Giảng dạy	Ngoại khoá	Chất lượng sân	
						Đạt	Chưa đạt
1	Nhà tập đa năng		01	01	01	01	00
2	Nhà tập cầu lông, bóng bàn, võ thuật,...		01	01	01	01	00
3	Sân bóng đá + điền kinh		03	01	02	02	01
4	Sân bóng chuyền	<b>10.561</b>	02	02	00	2	00
5	Sân bóng rổ		01	01	01	01	00
6	Sân cầu lông		03	03	03	03	00
7	Bàn bóng bàn		20	06	14	10	10
8	Sân và dụng cụ tập TDTT ngoài trời		01	00	01	01	00
<b>Cộng</b>		<b>10.561</b>	<b>32</b>	<b>15</b>	<b>23</b>	<b>21</b>	<b>11</b>

Qua Bảng 3 cho thấy rằng, diện tích phục vụ cho công tác GDTC và hoạt động TDTT rộng lớn, với tổng diện tích sân tập TDTT khoảng: 10.561 m<sup>2</sup>, bình quân 2,95 m<sup>2</sup>/1 SV so với chuẩn quy định là 3,5 m<sup>2</sup>/1 SV đến 4 m<sup>2</sup>/1 SV thì còn thiếu.

Do điều kiện cơ sở vật chất chưa thật sự đảm bảo, cho nên việc tổ chức giảng dạy các môn thể thao tự chọn cũng còn gặp nhiều khó khăn, chỉ có thể tổ chức giảng dạy một số môn ít hoặc không sử dụng dụng cụ. Như vậy, ta có thể thấy, khả năng của nhà trường không theo kịp sự phát triển về số lượng của sinh viên theo từng năm học.

*3.1.4 Khảo sát sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với công tác GDTC*

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn các lãnh đạo, các giảng viên của Trường Đại học Phú Yên. Đối tượng phỏng vấn của chúng tôi là 27 cán bộ lãnh đạo, các cán bộ quản lý, giáo viên của các đơn vị có liên quan trong nhà trường, bao gồm: Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên, cán bộ quản lý các khoa và giáo viên khoa GDTC & GDQP. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở Bảng 4.

**Bảng 4. Thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học Phú Yên (n = 27)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	%
<b>Đánh giá công tác GDTC</b>			
1	Đáp ứng yêu cầu của Bộ và của nhà trường	08	29,63
	Đáp ứng từng phần yêu cầu	12	44,45
	Chưa đáp ứng	0	0,00
2	<b>Những vấn đề mà công tác GDTC cần tập trung</b>		

	Đảng uỷ Ban Giám hiệu cần quan tâm	25	92.59
	Cần củng cố công tác quản lý Khoa GDTC & GDQP	21	77.78
	Cần nâng cao chất lượng giảng viên GDTC	22	81.48
	Phải cải tiến phương pháp giảng dạy các môn thể thao phù hợp điều kiện nhà trường	19	70.37
	Cần phải tăng cường cơ sở vật chất sân bãi	5	18.52
	Tăng kinh phí dành cho hoạt động thể thao	26	96.30
	Cần tổ chức các hoạt động thể thao	25	92.59
	Cần tổ chức các giải thể thao, câu lạc bộ, đội tuyển	27	100
	<b>Công tác tổ chức bộ môn</b>		
	Công tác kế hoạch bộ môn:	-	-
3	+ Đã làm thường xuyên	7	25.93
	+ Chưa thường xuyên	3	11.11
	Xây dựng lại chương trình, nội dung giảng dạy	16	59.26
	Đưa kết quả môn học GDTC vào bảng điểm như các môn học khác	24	88.89
	<b>Công tác kế hoạch tổ chức</b>		
	Công tác chỉ đạo, kiểm tra chuyên môn với giảng viên	-	-
4	+ Thường xuyên	14	51.85
	+ Chưa thường xuyên	18	66.67
	Công tác hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khoá của giáo viên	-	-
	+ Thường xuyên	0	0.00
	+ Thỉnh thoảng	6	22.22
	+ Chưa có	19	70.37

Qua Bảng 4 cho thấy, công tác GDTC trong những năm qua được đánh giá là đã đáp ứng từng phần những yêu cầu đặt ra của nhà trường và chương trình GDTC của Bộ GD & ĐT. Trong những năm tới, để nâng cao chất lượng công tác GDTC, nhà trường cần quan tâm đến những vấn đề mà các ý kiến phỏng vấn tập trung lựa chọn, bao gồm:

- Cần có sự quan tâm hơn của lãnh đạo nhà trường.
- Cần nâng cao chất lượng, trình độ của giảng viên.
- Cần phải tăng kinh phí dành cho công tác

giảng dạy và tập luyện TDTT.

- Cần củng cố công tác quản lý bộ môn, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy nội khoá và tổ chức các hoạt động ngoại khoá đáp ứng nhu cầu tập luyện và rèn luyện thân thể của sinh viên.
- Cần tăng cường tổ chức các giải thể thao nhiều hơn, tổ chức và thành lập câu lạc bộ các môn thể thao thu hút sinh viên có năng khiếu và ham thích các môn thể thao tập luyện.

Ngoài ra, khi tọa đàm trực tiếp với các đối tượng phỏng vấn còn cho thấy, các ý kiến đều mong muốn rằng: cần tăng cường công tác xã hội hoá

trong các hoạt động thể thao và tập luyện TDDT trong nhà trường.

### 3.2 Nhu cầu tập luyện ngoại khoá và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông

Để tìm hiểu về tâm tư và nhu cầu tập luyện ngoại khoá cũng như nhu cầu, sự ham thích tập luyện

môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Phú Yên, tác giả tiến hành điều tra thực trạng việc tập luyện ngoại khoá thông qua hình thức phiếu phỏng vấn. Đối tượng phỏng vấn là 927 sinh viên hiện đang học tại Trường Đại học Phú Yên (số phiếu phát ra 1000 thu về 927). Kết quả thu được như trình bày ở Bảng 5 và 6.

**Bảng 5. Thực trạng nhu cầu tập luyện ngoại khoá của sinh viên Trường Đại học Phú Yên**

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1 (n = 305)		Năm thứ 2 (n = 307)		Năm thứ 3 (n = 315)		Tổng cộng (n = 927)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
		<b>Động cơ tập luyện TDDT</b>							
	Ham thích	132	43.3	138	44.9	145	46.0	415	47.7
	Nhận thấy tác dụng của rèn luyện thể thao	92	30.2	98	31.9	100	31.7	290	31.2
	Bắt buộc	33	10.1	32	10.4	33	10.4	98	10.5
	Không có điều kiện	49	16.1	48	15.6	45	14.2	142	15.3
<b>Đánh giá giờ học nội khoá</b>									
1	Cung cấp kiến thức về TDDT	65	21.3	66	21.4	66	20.9	197	21.2
	Trang bị kỹ thuật môn thể thao	63	20.7	67	21.8	64	20.3	194	20.9
	Nâng cao được sức khoẻ	68	22.3	69	22.4	68	21.6	205	22.1
	Giờ học sôi động	5	1.6	5	1.6	7	2.2	17	1.8
	Giờ học khô khan	100	32.8	106	33.5	115	36.5	321	34.6
	Không đủ sân bãi dụng cụ	1	0.32	2	0.7	0	0	3	0.3
<b>Số sinh viên tập luyện ngoại khoá</b>									
2	Thường xuyên	10	3.2	12	3.9	15	3.2	37	3.9
	Thỉnh thoảng	114	37.4	119	38.7	124	39.3	357	38.5

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Tổng cộng	
		(n = 305)		(n = 307)		(n = 315)		(n = 927)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
	Không tập	184	60.0	184	59.9	190	60.3	558	60.1
<b>Yếu tố ảnh hưởng đến giờ học GDTC chính khoá</b>									
3	Do điều kiện sân bãi	11	3.6	11	3.6	12	3.8	34	3.6
	Do trình độ giáo viên	152	49.8	153	49.8	156	49.5	461	49.7
	Thiếu dụng cụ tập luyện	116	38.0	115	37.4	124	39.3	355	38.2
	Không có đủ trang bị giày, quần áo	25	8.1	33	10.7	30	9.5	88	9.4
<b>Yếu tố ảnh hưởng đến việc tập luyện ngoại khoá</b>									
4	Không có giáo viên hướng dẫn	188	61.6	192	62.5	198	62.9	578	62.2
	Không có thời gian	32	10.4	30	9.7	31	9.8	93	10.0
	Không có đủ điều kiện sân bãi dụng cụ tập luyện	30	9.8	26	8.4	23	7.3	79	8.5
	Không được sự ủng hộ của bạn bè	29	9.5	30	9.7	30	9.5	89	9.6
	Không ham thích môn thể thao nào	22	7.2	23	7.4	28	8.8	73	7.8
<b>Nhu cầu tham gia tập luyện tại các câu lạc bộ thể thao</b>									
5	Rất muộn	226	74.0	228	74.2	242	76.8	696	75.0
	Bình thường	61	20.0	62	20.1	60	19.0	183	19.7
	Không cần thiết	22	7.2	20	6.5	14	4.4	58	6.2

**Bảng 6. Lựa chọn môn thể thao tập luyện ngoại khoá của sinh viên Trường Đại học Phú Yên**

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1 (n = 305)		Năm thứ 2 (n = 307)		Năm thứ 3 (n = 315)		Tổng cộng (n = 927)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Cầu lông	296	97.0	299	98.0	307	97.4	902	97.3
2	Bóng bàn	116	38.0	115	37.4	124	39.3	355	38.2
3	Bóng rổ	188	61.6	192	62.5	198	62.9	578	62.2
4	Bóng chuyền	100	32.8	106	33.5	115	36.5	321	34.6
5	Bơi	92	30.2	98	31.9	100	31.7	290	31.2
6	Thể dục dã ngoại	20	6.5	21	6.8	22	6.9	63	20.24
7	Thể dục thẩm mỹ	61	20.0	62	20.1	60	19.0	183	19.7

Qua Bảng 5 và 6 cho thấy:

Nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức câu lạc bộ, lớp ngoại khoá có giáo viên hướng dẫn thì được sinh viên đánh giá rất cao, số phiếu hỏi có nguyện vọng tham gia chiếm đến 75.0%, trong đó sinh viên năm thứ nhất chiếm đến 7% - 4.0%.

Khi được hỏi về việc lựa chọn môn thể thao yêu thích để tập luyện ngoại khoá thì đa phần là các em lựa chọn môn Cầu lông (năm thứ nhất là 97.0%, năm thứ 2 là 98.0%, năm thứ 3 là 97.4%), như vậy có thể thấy môn Cầu lông cũng thu hút được sự quan tâm của đông đảo sinh viên. Điều này cũng có thể lý giải rằng, môn Cầu lông đã được đưa vào hệ thống thi đấu nhà nghề tại Việt

Nam, đồng thời môn Cầu lông cũng được Bộ GD&ĐT đã chính thức đưa môn này vào hệ thống thi đấu nghiệp vụ sư phạm toàn quốc với định kỳ 2 năm 1 lần.

### 3.3 Kết quả học tập môn GDTC của Trường Đại học Phú Yên.

Điểm lý thuyết và thực hành được kiểm tra nằm trong chương trình giảng dạy nội dung chính khoa của bộ môn, có thang điểm, quy định và quy cách đánh giá kết quả học tập.

Điểm học tập của sinh viên năm học 2017 - 2018 ở các học phần tương ứng với năm học thứ nhất, năm học thứ hai và năm học thứ ba (khóa 16, 17, 18), kết quả thu được trình bày ở Bảng 7.

**Bảng 7. Kết quả môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Phú Yên năm học 2017 – 2018**

TT	Nội dung học	Học phần GDTC 1			Học phần GDTC 2			Học phần GDTC 3		
		Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)
1	Lý thuyết chung (n = 927)	7.9	51.7	40.4						



TT	Nội dung học	Học phần			Học phần			Học phần		
		GDTC 1			GDTC 2			GDTC 3		
		Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)
2	Điền kinh(n = 305)				8.4	52.5	39.1			
3	Cầu lông (n = 307)							5.7	56.2	38.1
4	Bóng bàn (305) (n = 305) (n = 620)							15.3	75.0	9.7
5	Bóng chuyền (n = 315)							16.9	58.9	24.2

Điểm khá: 6-7; Điểm đạt: 5; Không đạt: ≤4

Qua Bảng 7 cho thấy, không có sinh viên đạt loại giỏi. Tỷ lệ đạt loại khá ở cả học phần lý thuyết và thực hành đều rất thấp từ 5.7% - 16.9%. Trong khi tỷ lệ không đạt lại chiếm tương đối cao, đặc biệt là ở học phần lý thuyết. Về kết quả học tập, môn học Cầu lông cũng có diễn biến tương tự như trên, số sinh viên đạt loại khá chiếm tỷ lệ thấp 5.7%. Tỷ lệ đạt chiếm cao hơn 56.2% và không đạt là 38.1%.

Như vậy có thể thấy rằng, nhận thức và hiểu biết của sinh viên và ý thức học tập chưa cao. Sinh viên chưa được nắm bắt đầy đủ những kỹ năng thực hành cần thiết dẫn đến kết quả khi thi kết thúc môn là chưa được tốt. Điều đó phản ánh phương pháp tổ chức quá trình giảng dạy nội khóa chưa thu hút sự ham thích và hứng thú tập luyện của sinh viên.

#### 4. KẾT LUẬN

**\* Thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học Phú Yên giai đoạn 2015 – 2018:**

- Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, dụng cụ học tập. Trong những năm vừa qua, nhà trường luôn quan tâm và trang bị cơ sở vật chất, các trang thiết bị, dụng cụ học tập GDTC, TDTT cho giảng viên và sinh viên sử dụng, song thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế giảng dạy.

- Sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với công tác GDTC:

- Cần sự quan tâm hơn của lãnh đạo nhà trường.
- Cần nâng cao chất lượng, trình độ của giảng viên.
- Cần phải tăng kinh phí dành cho công tác giảng dạy và tập luyện TDTT.
- Cần củng cố công tác quản lý bộ môn, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy nội khoá và tổ chức các hoạt động ngoại khoá đáp ứng nhu cầu tập luyện và rèn luyện thân thể của sinh viên.
- Cần tăng cường tổ chức các giải thể thao nhiều hơn, tổ chức và thành lập câu lạc bộ các môn thể thao thu hút sinh viên có năng khiếu và ham thích các môn thể thao tập luyện.

**\* Nhu cầu tập luyện ngoại khoá và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá môn Cầu lông:**

- Cần củng cố công tác quản lý bộ môn, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy nội khoá và tổ chức các hoạt động ngoại khoá đáp ứng nhu cầu tập luyện và rèn luyện thân thể của sinh viên.
- Cần tăng cường tổ chức các giải thể thao nhiều hơn, tổ chức và thành lập câu lạc bộ các môn

thể thao thu hút sinh viên có năng khiếu và ham thích các môn thể thao tập luyện.

- Môn thể thao yêu thích để tập luyện ngoại khóa thì đa phần là các em lựa chọn môn Cầu lông (năm thứ nhất là 97.0%, năm thứ 2 là 98.0%, năm thứ 3 là 97.4%), như vậy có thể thấy môn Cầu lông cũng thu hút được sự quan tâm của đông đảo sinh viên.
- Nhận thức, hiểu biết và ý thức học tập của sinh viên chưa cao. Sinh viên chưa được nắm bắt đầy đủ những kỹ năng thực hành cần thiết dẫn đến kết quả khi thi kết thúc môn là chưa được tốt. Điều đó phản ánh phương pháp tổ chức quá trình giảng dạy nội khóa chưa thu hút sự ham thích và hứng thú tập luyện của sinh viên.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aulic. I.V. (1982). *Đánh giá trình độ luyện tập thể thao*. Hà Nội: NXB TĐTT.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên*. Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008.
- Dương Nghiệp Chí. (1983). *Đo lường thể thao*. Hà Nội: NXB TĐTT.
- Huỳnh Trọng Khải, Đỗ Vĩnh. (2010). *Thống kê học trong Thể dục thể thao*. Hà Nội: NXB TĐTT.
- Lương Tấn Thu. (2017). *Báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển Thể dục Thể thao tại các trường đại học cao đẳng ở Phú Yên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030*. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Nguyễn Xuân Sinh. (1999). *Giáo trình nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*. Hà Nội: NXB TĐTT.
- Nguyễn Ngọc Thúy. (1997). *Huấn luyện kỹ chiến thuật Cầu lông hiện đại*. Hà Nội: NXB TĐTT.
- Phạm Công Danh. (2006). *Tác dụng của việc tập luyện ngoại khóa môn điền kinh đối với sự phát triển các tố chất thể lực của nam sinh viên trường Cao đẳng Thể dục thể thao Trung ương II*.
- Trần Thùy Linh. (2002). *Nghiên cứu hiệu quả hình thức tập luyện thể dục ngoại khóa bắt buộc phát triển thể chất cho nữ sinh viên Trường đại học Sư phạm Huế*. Luận văn Thạc sĩ. Trường ĐH TĐTT I.